TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ LX** **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2021/DS – ST
Ngày: 21 – 01 – 2021
V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LX

- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Phạm Xuân Khanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đỗ Trọng Ngoan

2. Ông Phạm Ngọc Nguyên.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Đặng Thành Thái - Thư ký Tòa án.

Ngày 21 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố LX, tỉnh An Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự về việc *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* thụ lý số: 332/2020/TLST – DS ngày 09 tháng 11 năm 2020 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 466/2020/QĐXXST – DS ngày 21 tháng 12 năm 2020, quyết định hoãn phiên tòa số 22/2021/QĐST – DS ngày 13/01/2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Cao Cẩm T1, sinh năm 1978. Địa chỉ: Số X, đường Đ, khóm B, phường B, thành phố LX, tỉnh An Giang – có mặt.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Cao Cẩm T1:* Luật sư Huỳnh Hồng D – Thuộc Đoàn Luật sư tỉnh An Giang – có mặt.

2. Bị đơn: Bà Ngô Thị Phụng T2, sinh năm 1980. Địa chỉ: Số X/Y, tổ X, khóm T, phường M, thành phố LX, tỉnh An Giang – có mặt.

Ủy quyền cho ông Nguyễn Thanh Đ, sinh năm 1965. Địa chỉ: số X, đường N, Khóm X, phường M, thành phố LX, An Giang (theo giấy ủy quyền được chứng

nhận tại Văn phòng Công chứng C ngày 20/11/2020, số chứng nhận 2600, quyển số 04.TP/CC – SCC/HĐGD) – vắng mặt lần thứ 2.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Ngô Văn N, sinh năm 1946. Địa chỉ: Số X/Y, tổ X, khóm T, phường M, thành phố LX, tỉnh An Giang – vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện và bản tự khai cùng ngày 02/11/2020, tại các biên bản làm việc trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn là bà Cao Cẩm T1 trình bày:***

Do có quan hệ quen biết nên bà có cho bà Ngô Thị Phụng T2 mượn tiền nhiều lần. Ngày 13/02/2020, bà cho bà T2 mượn số tiền 100.000.000 đ (một trăm triệu đồng), có làm giấy nợ, có thỏa thuận sẽ trả vốn sau 03 tháng, thỏa thuận trả lãi bằng miệng là 5%/tháng. Bà T2 mượn tiền lần này để trả tiền vốn trước đây mượn là 70.000.000 đồng, 70.000.000 đồng đó thì bà T2 mượn để chuộc xe gắn máy và chuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông N. Sau khi nhận đủ 100.000.000 đồng thì bà T2 có trả lãi được 7.500.000 đ (bảy triệu năm trăm ngàn đồng) thì ngưng. Khi bà T2 mượn tiền của bà thì có ông Ngô Văn N là cha của bà T2 chịu trách nhiệm về số tiền mà bà T2 mượn và thế chấp cho bà 01 bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 03221/QSDĐ/gA ngày 11/01/2020, bản chính giấy chứng minh nhân dân, Hộ khẩu gia đình của ông. Bà T2 cũng giao cho bà bản chính giấy chứng minh nhân dân. Ngoài số tiền 100.000.000 đồng, bà T2 còn mượn thêm 20.000.000 đồng, không làm giấy nợ. Nay, do đã quá thời hạn mượn tiền nên bà yêu cầu bà T2 và ông N liên đới trả cho bà số tiền vốn vay là 120.000.000 đồng và trả lãi với lãi suất 1%/tháng từ ngày 14/02/2020 cho tới ngày Toà án xét xử sơ thẩm 12.000.000 đồng, trừ phần tiền lãi đã nhận trước là 7.500.000 đồng. Bà T2 chỉ đồng ý trả lại các bản chính giấy tờ đã giữ của ông N và bà T2 khi ông N bà T2 trả hết nợ.

Tuy quá trình giao nhận tiền vay cũng như trả lãi thì chỉ có bà T2 trực tiếp giao dịch với bà nhưng do ông N giao các bản chính giấy tờ của ông N cho con mình bảo đảm nợ vay nên ông N phải có trách nhiệm liên đới trả nợ. Thời gian

qua, bà nhiều lần yêu cầu bà T2 trả nợ, bà T2 không trả mà còn thưa bà đến Công an phường M. Đối với bản liệt kê giao nhận tiền và đóng lãi của bà T2 nộp cho Tòa án thì bà không đồng ý, bà không có cho bà T2 mượn tiền góp như bà T2 đã trình bày. Bà xác định không cung cấp thêm chứng cứ nào khác và không yêu cầu Tòa án thu thập thêm chứng cứ hay triệu tập thêm người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

**** Theo bản tự khai ngày 12/12/2020 và tại phiên tòa, bị đơn là bà Ngô Thị Phụng T2 trình bày:***

Do hoàn cảnh gia đình khó khăn về tài chính, các con còn nhỏ, sức khỏe lại yếu nên bà có vay tiền của bà T1 nhiều lần. Cụ thể, ngày 22/8/2019, bà có vay của bà T1 là 10.000.000 đồng với lãi suất thoả thuận là 100.000 đồng/ngày, bà có đóng lãi đều đặn 74 ngày. Ngày 04/11/2019, bà tiếp tục vay 10.000.000 đồng với lãi suất như trên, bà nộp lãi được 40 ngày. Ngày 14/12/2019, bà vay tiếp 10.000.000 đồng và nộp lãi được 20 ngày. Ngày 04/01/2020, vay tiếp 20.000.000 đồng. Lúc này, bà T1 không đồng ý và yêu cầu phải có giấy tờ làm tin nên bà lén lấy bản chính các giấy tờ là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 03221.QSDĐ/gA do Ủy ban nhân dân thành phố LX cấp ngày 11/01/2002 cho cha bà là Ngô Văn N, sổ hộ khẩu, giấy chứng minh nhân dân của cha bà và giấy giấy chứng minh nhân dân của bà giao hết cho bà T1. Tổng cộng các lần vay số tiền là 50.000.000 đồng. Kể từ lúc này thì bà T1 chuyển qua tiền góp, góp 60 ngày đủ vốn và lãi. Bà góp được 14 ngày (còn thiếu 4 ngày chưa góp). Đến ngày 18/01/2020, bà vay thêm 10.000.000 đồng cộng với tiền góp cũ 50.000.000 đồng là 60.000.000 đồng. Với số tiền 60.000.000 đồng này thì bà T1 không cho góp nữa mà chuyển qua đóng lãi mỗi ngày 300.000 đồng, bà đồng ý và đóng được 15 ngày.

Ngày 03/02/2020, bà vay thêm 10.000.000 đồng. Tổng cộng là 70.000.000 đồng nộp lãi 350.000 đồng/ngày, bà đóng được 10 ngày. Ngày 13/02/2020, bà vay thêm 30.000.000 đồng, tổng cộng là 100.000.000 đồng lãi 500.000 đồng/ngày. Số tiền này, bà có viết giấy biên nhận nợ và đóng được 37 ngày. Ngày 21/03/2020, bà vay thêm 10.000.000 đồng, lãi 100.000 đồng/ngày và nộp lãi được 20 ngày. Ngày 10/04/2020, bà vay thêm 10.000.000 đồng, tiền lãi 100.000 đồng/ngày.

Tổng tiền vay qua 09 lần vay là 120.000.000 đồng, lãi 700.000 đồng/ngày, bà nộp được 25 ngày. Kể từ ngày 05/05/2020 cho đến nay bà không còn khả năng nộp lãi tiếp. Thời gian qua, bà đã nộp lãi cho bà T1 tổng cộng là 91.400.000 đồng. Bà yêu cầu Tòa án xem xét phần tiền lãi đã trả dư trừ vào vốn, phần còn lại bà xin được trả dần mỗi tháng 500.000 đồng. Yêu cầu bà T1 phải trả lại cho bà các bản chính giấy tờ mà bà T1 đang quản lý. Bà xác định không cung cấp thêm chứng cứ nào khác và không yêu cầu Tòa án thu thập thêm chứng cứ hay triệu tập thêm người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

**** Theo đơn trình bày ý kiến ngày 23/11/2020, ông Ngô Văn N là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án trình bày:***

Ông hoàn toàn không biết việc con ông là Ngô Thị Phụng T2 đã giao cho bà Cao Cẩm T1 quản lý bản chính các giấy tờ cá nhân của ông là giấy chứng minh nhân dân, số hộ khẩu, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nay, ông yêu cầu bà T1 trả lại các giấy tờ trên cho ông. Ngoài ra, ông Năm còn yêu cầu vắng mặt tại phiên tòa.

Luật sư Huỳnh Hồng D là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn là bà Cao Cẩm T1 phát biểu: Tại phiên tòa, bà T2 khai quá trình vay tiền kéo dài nhiều tháng, bà phải nộp lãi đến hơn 90.000.000 đồng. Tuy nhiên ngoài lời khai ra thì bị đơn không có chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình là có căn cứ. Về các bản chính giấy tờ bà T1 đang quản lý của ông N và bà T2 thì do giữa bên nhận giấy tờ và bên giao là người dân không am hiểu pháp luật nên không thực tiện thủ tục theo quy định. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử buộc ông N phải liên đới nghĩa vụ trả tiền vốn vay và lãi theo yêu cầu khởi kiện cho nguyên đơn và nguyên đơn chỉ trả lại bản chính các giấy tờ khi bà T2 và ông N trả hết nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Tranh chấp giữa bà Cao Cẩm T1, bà ngô Thị Phụng T2 và ông Ngô Văn N là tranh chấp hợp đồng vay tài sản được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ

luật Tố tụng dân sự. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố LX thụ lý giải quyết.

[2] Bị đơn ủy quyền tham gia tố tụng cho ông Nguyễn Thanh Đ. Việc ủy quyền được lập thành văn bản, được chứng nhận tại Phòng Công chứng, về hình thức và nội dung ủy quyền không trái với quy định của luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Tại phiên tòa hôm nay, ông Nguyễn Thanh Đ tiếp tục vắng mặt lần thứ 2, không lý do. Các đương sự có mặt không ai yêu cầu hoãn phiên tòa và bà T2 cũng xác định tự bà trình bày ý kiến mặc dù giữa bà và ông Đ không tiến hành việc hủy ủy quyền. Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227, quyết định tiến hành xét xử vắng mặt người được bị đơn ủy quyền.

Về nội dung:

[3] Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình là có căn cứ và hợp pháp, nguyên đơn cung cấp chứng cứ là bản photo văn bản đề ngày 13/02/2020, có nội dung bà T2 mượn của bà T1 số tiền là 100.000.000 đồng, thỏa thuận trả vốn trong vòng 03 tháng. Phía bà T2 thừa nhận ngoài số tiền mượn của bà T1 theo văn bản ngày 13/02/2020 thì có mượn bà T2 thêm 20.000.000 đồng. Bà T1 trình bày, sau khi nhận đủ tiền vay, bà T2 có trả lãi được 7.500.000 đồng. Bà T2 thì cho rằng bà trả lãi cho bà T1 tổng cộng là 91.400.000 đồng. Như vậy, đủ cơ sở xác định giữa bà T1 và bà T2 đã xác lập giao dịch dân sự là hợp đồng vay tài sản, có thời hạn và có lãi. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 463, 465, 466, 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015 để xem xét giải quyết vụ án.

[4] Xét thấy, đã hết thời hạn trả nợ theo thỏa thuận nhưng bà T2 vẫn không thực hiện nghĩa vụ của mình là đã vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 466 của Bộ luật Dân sự. Do đó, nguyên đơn khởi kiện bị đơn yêu cầu thanh toán nợ là có căn cứ pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Phía nguyên đơn thừa nhận việc thỏa thuận vay tiền là chỉ giao dịch trực tiếp với bà T2, bà T2 là người giao bản chính các giấy tờ của ông N, của bà T2 cho bà quản lý. Giữa bà và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Ngô Văn N không lập hợp đồng bảo lãnh, hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, không đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định của Bộ luật Dân sự, Luật Đất đai. Xét thấy, các

bên đương sự phải chịu hậu quả pháp lý của việc không tuân thủ quy định của pháp luật. Từ đó, không có cơ sở để Hội đồng xét xử xem xét buộc ông N phải liên đới nghĩa vụ trả nợ như lời đề nghị của vị Luật sư bảo vệ cho nguyên đơn. Hội đồng xét xử quyết định, buộc bà T1 phải trả lại cho ông Ngô Văn N bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 03221.QSDĐ/gA do Ủy ban nhân dân thành phố LX cấp ngày 11/01/2002 mang tên Ngô Văn N, sinh năm 1946, bản chính giấy chứng minh nhân dân số 350114552, họ tên là Ngô Văn N, do Công an tỉnh An Giang cấp ngày 04/02/2015, bản chính sổ hộ khẩu số 010351722, họ và tên chủ hộ là Ngô Văn N do Công an thành phố LX cấp ngày 11/7/2018.

[6] Việc nguyên đơn yêu cầu tiếp tục quản lý bản chính giấy chứng minh nhân dân của bị đơn là trái với quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử buộc nguyên đơn phải trả lại cho bị đơn bản chính giấy chứng minh nhân dân số 351346412 do Công an tỉnh An Giang cấp ngày 16/01/2018 cho bà Ngô Thị Phụng T2.

[7] Đối với số tiền lãi đã nộp là 91.400.000 đồng, ngoài lời khai ra phía bị đơn không có chứng cứ để chứng minh, không được sự thừa nhận của nguyên đơn nên không có cơ sở để Hội đồng xét xử xem xét.

[8] Xét thấy, giữa các bên xác lập giao dịch là hợp đồng vay có thời hạn và có lãi, việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn có nghĩa vụ thanh toán tiền lãi 12.000.000 đồng là thấp hơn so quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự và có lợi cho bị đơn nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Do bà T2 đã trả lãi 7.500.000 đ nên số tiền lãi còn lại phải trả là 4.500.000 đồng.

[9] ***Về án phí dân sự sơ thẩm*:**

Do yêu cầu khởi kiện bà Ngô Thị Phụng T2 của nguyên đơn được Hội đồng xét xử chấp nhận nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Do yêu cầu khởi kiện ông Ngô Văn N phải có nghĩa vụ liên đới trả số tiền 124.500.000 đồng của nguyên đơn không được Hội đồng xét xử chấp nhận nên nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng. Bà T1 đã nộp tiền tạm ứng án phí là 3.000.000 đ (ba triệu đồng) theo biên lai thu số 0007740 ngày 06/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố LX, bà T1 được nhận lại 2.700.000 đồng tiền tạm ứng án phí còn lại.

Bị đơn bà Ngô Thị Phụng T2 phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 6.225.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 70, Điều 72, Điều 147, Điều 179, Điều 227, Điều 228, Điều 244, Điều 273, Điều 278 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Các Điều 463, 465, 466, 468 và 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Các Điều 2, 6, 7, 9 và 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Ngô Văn N liên đới nghĩa vụ trả số tiền là 124.500.000 đ (một trăm hai mươi bốn triệu năm trăm nghìn đồng).

Chấp nhận phần yêu cầu khởi kiện còn lại của nguyên đơn. Buộc bị đơn là bà Ngô Thị Phụng T2 phải có nghĩa vụ trả cho bà Cao Cẩm T1 số tiền là 124.500.000 đ (một trăm hai mươi bốn triệu năm trăm nghìn đồng), trong đó bao gồm tiền vốn vay còn nợ là 120.000.000 đ (một trăm hai mươi triệu đồng) và tiền lãi là 4.500.000 đ (bốn triệu năm trăm đồng).

Bà Cao Cẩm T1 phải có nghĩa vụ trả lại cho ông Ngô Văn N bản chính các giấy tờ: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 03221.QSDĐ/gA do Ủy ban nhân dân thành phố LX cấp ngày 11/01/2002 mang tên Ngô Văn N, sinh năm 1946, bản chính giấy chứng minh nhân dân số 350114552, họ tên là Ngô Văn N, do Công an tỉnh An Giang cấp ngày 04/02/2015, bản chính sổ hộ khẩu số 010351722, họ và tên chủ hộ là Ngô Văn N do Công an thành phố LX cấp ngày 11/7/2018. Bà Cao Cẩm T1 phải có nghĩa vụ trả lại cho bà Ngô Thị Phụng T2 bản chính giấy chứng minh nhân dân số 351346412, họ tên là Ngô Thị Phụng T2, do Công an tỉnh An Giang cấp ngày 16/01/2018.

* Về án phí dân sự sơ thẩm:

Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu được Hội đồng xét xử chấp nhận và phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu không được Hội đồng xét xử chấp nhận là 300.000 đồng. Do bà T1 đã nộp tiền tạm ứng án phí là 3.000.000 đ (ba triệu đồng) theo biên lai thu số 0007740 ngày 06/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố LX nên bà T1 được nhận lại 2.700.000 đ (hai triệu bảy trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí còn lại.

Bị đơn bà Ngô Thị Phụng T2 phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 6.225.000 đ (sáu triệu hai trăm hai mươi hai nghìn năm trăm đồng).

Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Ông Ngô Văn N được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Đối với trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ trong hợp đồng mà các bên có thỏa thuận về việc trả lãi thì kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (Đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (Đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh AG;
- VKSND TPLX;
- Chi cục THADS TPLX;
- Các đương sự;
- Lưu VT và hồ sơ vụ án./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Phạm Xuân Khanh